

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A104

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 7h30

Ngày thi: 15/12/2021

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0001	SV5828825	Phan Đình Hoàng	23/04/1999		
2	TA0002	SV5828826	Đỗ Đức Kiên	24/03/1999		
3	TA0003	SV5828827	Nguyễn Minh Hiếu	16/09/1999		
4	TA0004	SV5828828	Trần Đức Soạn	11/10/1999		
5	TA0005	SV5828829	Nguyễn Thị Thùy	29/08/1999		
6	TA0006	SV5828830	Nguyễn Mạnh Quân	22/04/1999		
7	TA0007	SV5828831	Nguyễn Phương Uyên	11/08/1999		
8	TA0008	SV5828832	Lê Minh Hiếu	27/07/1999		
9	TA0009	SV5828833	Nguyễn Anh Minh	16/08/1999		
10	TA0010	SV5828834	Lê Quang Nhật	19/03/1999		
11	TA0011	SV5828835	Trần Hồng Hạnh	12/07/1999		
12	TA0012	SV5828836	Trần Thanh Tùng	19/03/1999		
13	TA0013	SV5828837	Nguyễn Phúc Duyệt	09/11/1995		
14	TA0014	SV5828838	Trần Bá Thành	19/09/1999		
15	TA0015	SV5828839	Trịnh Đức Hoàng	06/09/1999		
16	TA0016	SV5828840	Phạm Khắc Kiên	13/06/1999		
17	TA0017	SV5828841	Nguyễn thành Công	24/02/1999		
18	TA0018	SV5828842	Vương Quốc Hải	20/05/1999		
19	TA0019	SV5828843	Nguyễn Hoàng Văn	27/02/1998		
20	TA0020	SV5828844	Ngô Thế Hải	17/07/1999		
21	TA0021	SV5828845	Triệu Việt Anh	15/10/1996		
22	TA0022	SV5828846	Nguyễn Hữu Huy	13/03/1999		
23	TA0023	SV5828847	Trần Phương Hiệp	23/10/1999		
24	TA0024	SV5828848	Trần Huy Hoàng	14/01/1999		
25	TA0025	SV5828849	Đoàn Thị Thu Hà	03/07/1999		
26	TA0026	SV5828850	Lê Tùng Dương	21/09/1999		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
27	TA0027	SV5828851	Nguyễn Hà Phương	14/11/1999		
28	TA0028	SV5828852	Nguyễn Đức Bảo Bảo	16/11/1999		
29	TA0029	SV5828853	Nguyễn Anh Dương	28/12/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)